

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày: 24-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký Pên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia Pên tòa: Ông Nguyễn Văn Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2021/TLST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn Pên tòa số: 346/2021/HSST-QĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn Pên tòa số: 353/2021/HSST-QĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994, tại Cần Thơ; Tên gọi khác: T L; Nơi cư trú: khu vực P L 1, phường T N, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L; Có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và 01 người con; Tiền án: Ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/5/2020, chưa xóa án tích; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 27/02/2021 đến ngày 05/3/2021; Tạm giam: Từ ngày 05/3/2021 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tam giam Công an tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại Pên tòa).

- Bị hại:

Ngô Hữu P - sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 222, K 5, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Ngọc P - sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu vực T T A, phường T N, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Đỗ Hồng T - sinh năm: 1962 (vắng mặt).

2. P Thị Bé T - sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 301/1, ấp L T, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Tuấn H - sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 293, ấp H L T, xã L H B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Bá T - sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 086/3, khu vực T T A, phường T N, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

5. Võ Văn M - sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L B, xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/02/2021, Nguyễn Văn T đón xe mô tô khách từ quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đến xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp để thăm bà của T, khi đến huyện Lai Vung T không ghé nhà bà mà đi đến chợ Lai Vung ăn hủ tiếu và mua một con dao Thái Lan để phòng thân. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến tiệm vàng T T ở K 1, thị trấn L V, huyện Lai Vung thuê anh Ngô Hữu P là người lái xe mô tô khách chở T đến tịnh xá Ng Hu ở xã L H, huyện Lai Vung, anh P đồng ý. T trả tiền thuê xe cho anh P trước khi lên xe đi, T nhìn thấy anh P có nhiều tiền, nên nảy sinh ý định cướp tài sản của anh P. Anh P điều khiển xe mô tô Wave RSX, màu trắng - xám, biển số 66L1-331.32 chở T đến tịnh xá N H thì dừng xe lại, T xin số điện thoại của anh P nói để khi nào cần đi xe thì liên lạc. Sau khi anh P đi, T tiếp tục đi bộ từ tịnh xá N H đến quán cà phê Hoa Mai đối diện trụ sở Công an huyện Lai Vung để uống nước. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điện thoại cho anh P đến rước T ở quán cà phê Hoa Mai để chở T về địa phận Cán Cờ của xã L H, huyện Lai Vung, khi đến C C, T nói anh P chở về lại tịnh xá N H. Khi đến nơi, anh P dừng xe lại, T lấy dao Thái Lan trong túi áo khoát bên phải của T rồi kề dao vào hông bên phải của anh P (khi 02 người còn đang ngồi trên xe) và nói “tôi chỉ lấy tiền và điện thoại, tôi không giết ông, ông đừng la, tôi chạy xe ra đầu lộ thì bỏ xe ở đó”, rồi T kêu anh P giơ hai tay lên, một tay T cầm dao kề vào hông anh P, một tay T lục túi quần phía trước bên trái lấy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và số tiền 4.200.000 đồng để trong túi quần phía trước bên phải của anh P. Lúc này, có vợ chồng anh Đỗ Hồng T và chị Bé T đang chạy xe mô tô đến theo chiều ngược lại, chị T thấy anh P đang ngồi trên xe mà giơ hai tay lên thì hỏi anh P “có gì không?”, T ngồi ở phía sau nói nhỏ với anh P “la lên là đâm” nên anh P không dám la lên, lúc này T nói với vợ chồng anh T, chị T “không có gì, đi đi” nên anh T và chị T chạy xe đi. Sau đó anh P xuống xe, T lấy xe mô tô của anh P rồi chạy về quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Con dao Thái Lan mà T sử dụng uy hiếp anh P thì T ném xuống sông cách Tịnh xá N H khoảng 100m (cơ quan điều tra có truy tìm con dao nhưng không tìm được). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T đem xe cướp được của anh P đến cầu C, ở phường T N, quận Thốt Nốt bán

xe cho Nguyễn Ngọc P với giá 1.500.000 đồng. Còn điện thoại di động thì T bán ở tiệm điện thoại T ở quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ với giá 500.000 đồng. Giấy chứng minh nhân dân, giấy bảo hiểm xe và bằng lái xe mô tô của anh P để trong cốp xe thì T lấy ra và ném xuống sông bỏ. Qua truy xét, Cơ quan điều tra mời làm việc thì T thừa nhận có hành vi dùng dao khống chế, uy hiếp tinh thần anh P để cướp tiền, điện thoại và xe mô tô; Cơ quan điều tra trích xuất, dẫn T đến nơi T ném con dao xuống sông và mô tả đặc điểm con dao như đã nêu trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã tạm giữ:

- Tạm giữ của Nguyễn Ngọc P: 01 xe mô tô không có biển số, màu sơn đen, nhãn hiệu Honda, số máy JA32E0077457, số khung 3227EY077359.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 cái quần Jean màu xanh; 01 đôi dép kẹp loại hai quai màu nâu - đen - xám.

Ngày 11/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã trả cho anh Ngô Hữu P 01 xe mô tô không có biển số, màu sơn đen, nhãn hiệu Honda, số máy JA32E0077457, số khung 3227EY077359.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận đúng như nội dung, diễn biến sự việc đã nêu trên, nhưng có khác là T móc túi quần bên phải của anh P lấy số tiền 1.360.000 đồng chứ không phải 4.200.000 đồng.

Nhưng đến ngày 27/4/2021, T thay đổi lời khai, không thừa nhận có dùng dao khống chế, uy hiếp tinh thần để cướp tiền, điện thoại và xe mô tô của anh P, T cho rằng sau khi anh P chở T đến gần Tỉnh xá N H thì T có mượn điện thoại của anh P gọi cho người thân, anh P cho T mượn điện thoại thì T thấy xe của anh P đang nổ máy nên nảy sinh ý định lấy xe và cầm điện thoại lên xe bỏ chạy.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lai Vung kết luận: 01 xe mô tô biển số 66L1-331-32, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, số máy JA32E0077457, số khung 3227EY077359 trị giá 13.175.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 1.050.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS, ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại Pên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản”.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Khẳng định việc truy tố đúng như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 21 giờ ngày 18/02/2021, Nguyễn Văn T thuê anh Nguyễn Hữu P chạy xe mô tô khách chở T từ thị trấn Lai Vung về tỉnh xá Ngọc Huệ ở xã L H, huyện Lai vung. Khi đến đoạn đường vắng ít người qua lại, T đã sử dụng con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán dao bằng gỗ màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, rộng khoảng 01cm mà T đã mua trước đó kê vào hông bên phải của anh P để đe dọa làm cho anh P không thể chống cự, để cướp của anh P 01 xe mô tô biển số 66L1-331.32 trị giá 13.175.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 1.050.000 đồng và số tiền 4.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của anh P là 18.425.000 đồng, khi thực hiện hành vi bị cáo có

đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, tại Pên tòa trước bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có một tiền án chưa xóa án tích nên đây là lần tái phạm đối với bị cáo; nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 09 năm đến 11 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho anh Ngô Hữu P số tiền 5.250.000 đồng (giá trị điện thoại 1.050.000 đồng và số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt trên người anh P).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên: tịch thu tiêu huỷ 01 cái quần Jean màu xanh, 01 đôi dép kẹp loại hai quay màu nâu - đen - xám, do không còn giá trị sử dụng.

(Hiện vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung đang quản lý).

Tại phiên tòa, bị cáo T khai, xe mô tô biển số 66L1-331-32, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, số máy JA32E0077457, số khung 3227EY077359 do cướp của anh P, lúc bán xe, bị cáo có nói với anh P là xe do cướp mà có nhưng anh P vẫn đồng ý mua, tuy nhiên, tại Pên tòa, anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét hỏi được và Tòa án đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát điều tra bổ sung về hành vi của anh P nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Hiện nay anh P đã giao xe cho Cơ quan công an huyện Lai Vung và Công an đã trả lại xe cho anh P, nhưng anh P vắng mặt tại Pên tòa nên đối với số tiền anh P mua xe của T, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với Nguyễn Bá T là người mua điện thoại do T bán nhưng anh T không biết tài sản do T cướp mà có, hiện nay anh Trung đã bán điện thoại mua của T cho người khác không thu hồi lại được, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T.

Bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại Pên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Nguyễn Văn T đã có hành vi sử dụng con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán dao bằng gỗ màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn, rộng khoảng 01cm kề vào hông bên phải của anh P để đe dọa làm cho anh P không thể chống cự, nhằm cướp tài sản của anh P là 01 xe mô tô biển số 66L1-331.32 trị giá 13.175.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 trị giá 1.050.000 đồng và số tiền 4.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt của anh P là 18.425.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của bị cáo là có căn cứ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, cho nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” phạm vào điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

... ..

d/ Sử dụng vũ khí, P tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

... ..”

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là rất nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa P, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa P, gây bất bình trong dư luận, vì tài sản sơ hở sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào, bị cáo xem thường pháp luật. Ngoài ra đây là lần tái phạm của bị cáo nên cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đối với anh Nguyễn Ngọc P có hành vi mua xe mô tô do T cướp mà có, tại Pên tòa, bị cáo T khai, anh P biết xe do T cướp mà có nhưng vẫn đồng ý mua nhưng anh P vắng mặt tại Pên tòa và Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra làm rõ anh P có hành vi phạm tội hay không nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự chỉ xử lý vụ án theo Viện kiểm sát truy tố là phù hợp.

Hiện nay anh P đã giao xe cho Cơ quan công an huyện Lai Vung và Công an đã trả lại xe cho anh P, nhưng anh P vắng mặt tại Pên tòa nên đối với số tiền anh P

mua xe của T, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với Nguyễn Bá T là người mua điện thoại do T bán nhưng anh T không biết tài sản do T cướp mà có, hiện nay anh Trung đã bán điện thoại mua của T cho người khác không thu hồi lại được, nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T.

[5] Bị hại Ngô Hữu P vắng mặt tại phiên tòa, qua các lời khai có trong hồ sơ vụ án anh P trình bày: Tối ngày 18/02/2021 anh có chạy xe mô tô chở bị cáo T đi đến tỉnh xá N Hu, khi anh chở T đến Tỉnh xá N Hu, anh P dừng xe lại thì bị cáo T ngồi ở phía sau lấy con dao nhỏ và nhọn (anh P không nhìn thấy dao, nhưng khi bị bị cáo T kê dao vào cổ thì anh P cảm nhận được đó là dao) kê vào cổ anh P và nói “cướp đây”, một tay bị cáo T cầm dao kê vào cổ phía bên phải của P (lúc này cả 02 người còn đang ngồi trên xe), một tay bị cáo T lục túi quần trước bên trái lấy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và tiếp tục lấy số tiền 4.200.000 đồng để trong túi quần trước bên phải của anh P. Sau đó anh P xuống xe, bị cáo T lấy xe mô tô của anh P rồi bỏ chạy cùng với tiền và điện thoại. Anh P chạy bộ đuổi theo la “cướp, cướp” được một đoạn nhưng không kịp nên anh P đến nhà người dân gần đó và nhờ báo cơ quan Công an. Anh đã nhận lại xe, anh yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 5.250.000 đồng, gồm: 1.050.000 đồng trị giá điện thoại Samsung Galaxy J7 và 4.200.000 đồng bị cáo chiếm đoạt, các tài sản khác anh không yêu cầu bị cáo T bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

[5] Người làm chứng vắng mặt tại Phiên tòa, nhưng qua các lời khai có trong hồ sơ vụ án những người này trình bày đúng như nội dung vụ án.

[7] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết nội dung vụ án về mức hình phạt cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Đây là lần tái phạm của bị cáo là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, tại Phiên tòa ngày 19/10/2021 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái quần Jean màu xanh, 01 (một) đôi dép kẹp loại hai quay màu nâu - đen - xám, do không còn giá trị sử dụng.

(Hiện các vật chứng và tài sản trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý)

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Ngô Hữu P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.250.000 đồng (giá trị điện thoại 1.050.000 đồng và số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt trên người anh P). Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại P nên ghi nhận nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27/02/2021.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái quần Jean màu xanh, 01 (một) đôi dép kẹp loại hai quai màu nâu - đen - xám.

(Hiện vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung đang quản lý).

3. Về Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 589 của Bộ luật dân sự tuyên:

Bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Ngô Hữu P tổng số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 262.500 đồng (hai trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/01/2022. Đối với các đương sự vắng mặt tại Pên tòa thì thời hạn kháng cáo tính 15 ngày từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Đã ký

Ngô Thị Cẩm Hồng